

Đại học Quốc gia Hà Nội Viện Công nghệ Thông tin	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
--	--

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ Mã hồ sơ:	ẢNH 4x6
--	----------------

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Vũ Việt Vũ
2. Ngày tháng năm sinh: 25/11/1978. Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 908, CT1A, Khu Đô Thị Tân Tây Đô, Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 609, Nhà E3, Viện Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Hà Nội, Số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội..
- Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 0915899259;
- Địa chỉ E-mail: vuvietvu@vnu.edu.vn
7. Quá trình công tác:
- Từ năm 10/2000 đến năm 05/2004: Giảng viên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.
- Từ năm 06/2004 đến năm 03/2006: Trưởng Bộ môn, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.
- Từ năm 01/2006 đến năm 08/2007: Phó Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.
- Từ năm 09/2007 đến năm 08/2011: Nghiên cứu sinh Tại Pháp, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.
- Từ năm 09/2011 đến năm 10/2011: Giảng viên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.
- Từ năm 11/2011 đến năm 12/2012: Phó Khoa Điện tử, Trưởng Bộ môn, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.
- Từ năm 12/2012 đến năm 08/2016: Trưởng phòng Công nghệ Thông tin - Thư viện, Trưởng Bộ môn, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.
- Từ năm 09/2016 đến năm 10/2016: Giảng viên, Viện Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Từ năm 10/2016 đến năm 02/2017: Phó Trưởng Phòng Cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin, Viện Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Từ năm 02/2017 đến năm 07/2019: Trưởng phòng Cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin, Viện Công nghệ Thông tin - Đại học

Quốc gia Hà Nội, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng Cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng Công nghệ Thông tin - Thư viện.

Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Phòng Cơ sở dữ liệu và Hệ Thống thông tin; Viện Công nghệ Thông tin ; Bộ Đại học Quốc gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Số 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02437547347.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học;: Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Trường Đại học Hồng Đức

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông - Đại học Thái Nguyên, Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Đại học Hồng Đức

9. Học vị:

– Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 07 năm 2000, ngành Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội/136, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

– Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 02 năm 2005, ngành Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội/Số 1 Đại Cồ Việt, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội

– Được cấp bằng TS ngày 01 tháng 03 năm 2012, ngành Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Paris VI/Paris, Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS thời gian: Không có., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HDGS ngành, liên ngành: Hội đồng ngành Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Trí tuệ nhân tạo
- Khai phá dữ liệu và học máy
- Lý thuyết đồ thị
- Xử lý ảnh
- Các hệ thống giám sát và tối ưu dựa trên xử lý video

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã công bố (số lượng) 9 bài báo KH trong nước, 16 bài báo KH trên tạp chí có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó có 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

Bài báo khoa học tiêu biểu								
TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Loại công bố (chỉ số IF)	Tên tạp chí, kỉ yếu khoa học	Tập	Số	Trang	Năm xuất bản

1	An Efficient Density-based Clustering with Side Information and Active Learning: A Case Study for Facial Expression Recognition Task	Vũ Việt Vũ, Đỗ Hồng Quân, Đỗ Năng Toàn, Đặng Vũ Tuấn	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.7)	Intelligent Data Analysis	23	1	227-240	2019
2	An efficient Semi-supervised Graph-based clustering	Vũ Việt Vũ	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.7)	Intelligent Data Analysis	22	2	297-307	2018
3	Active seed selection for constrained clustering	Vũ Việt Vũ, Nicolas Labroche	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.7)	Intelligent Data Analysis	21	3	537-552	2017
4	Evidential seed-based semi-supervised clustering	Violaine Antoine, Nicolas Labroche, Vũ Việt Vũ		Proceeding of the 7th International Conference on Soft Computing and Intelligent Systems and 15th International Symposium on Advanced Intelligent Systems			706-711	2014
5	Improving Constrained Clustering with Active Query Selection	Vũ Việt Vũ, Nicolas Labroche, Bernadette Bouchon-Meunier	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.3 (2012); IF = 5.9 (2018))	Pattern Recognition	45	4	1749-1758	2012

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng Khen năm 2015, cấp Bộ giáo Dục và Đào tạo. Mô tả: Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.
- Bằng Khen năm 1999, cấp Bộ giáo Dục và Đào tạo. Mô tả: Giải 3, Olympic Tin học Sinh viên Toàn quốc.
- Bằng Khen năm 1998, cấp Bộ giáo Dục và Đào tạo. Mô tả: Giải 3, Olympic Tin học Sinh viên Toàn Quốc.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Là một giảng viên bắt đầu tham gia công tác giảng dạy từ năm 2000, tôi luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao; tôi luôn đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên. Ngoài ra tôi cũng đã tham gia các chức vụ quản lý chuyên môn như Trưởng Bộ môn, Phó khoa, bản thân tôi luôn ý thức rèn luyện và tu dưỡng, tự bồi dưỡng, học nâng cao trình độ để luôn đạt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo đề ra.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 14 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	07/2013-06/2014	0	0	0	29	249	0	248.5/338.2
2	07/2014-06/2015	0	0	0	9	180	0	180.2/257.2
3	07/2015-06/2016	0	0	0	41	208	113	320.2/494.2
3 thâm niên cuối								
1	07/2016-06/2017	0	0	50	8	36	98	181.7/270.1
2	07/2017-06/2018	0	0	150	0	0	120	180/363.8
3	07/2018-06/2019	0	17	0	0	0	159	238.5/333.4

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

– Học ĐH ☐; Tại nước: từ năm:

– Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☒; Tại nước: Pháp, năm: 2011

– Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... ; Số bằng: ... ; Năm cấp: ...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒ :

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Pháp

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Viện Quốc tế pháp ngữ (IFI) - Đại học Quốc gia Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL ITP (2014): 477

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Bùi Quang Vinh		✓	✓		12/2017 đến 07/2018	Trường Đại học Hồng Đức	2018
2	Dương Văn Cường		✓	✓		08/2017 đến 03/2018	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	2018
3	Nguyễn Đức Ngọc		✓	✓		08/2017 đến 03/2018	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	2018
4	Hà Thị Thu Giang		✓	✓		08/2015 đến 10/2007	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	2017

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Giáo trình Ngôn ngữ lập trình C++	Giáo trình (ĐH, SDH)	Khoa học Kỹ thuật, 2017	02	Chủ biên	Văn bản do Hiệu trưởng xác nhận

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Phát triển các kỹ thuật biểu diễn cử chỉ, trạng thái khuôn mặt 3D phục vụ cho bài toán xây dựng tiếp viên ảo	Chủ nhiệm	QG.17.43, Bộ/Sở	01/2017 đến 12/2018	04/01/2019
2	Nghiên cứu phương pháp học máy cho bài toán phân cụm nửa giám sát	Chủ nhiệm	ĐH2013-TN02-10, Cơ sở	01/2013 đến 12/2014	23/12/2015

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
1	Improving Constrained Clustering with Active Query Selection	03	Pattern Recognition	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.3 (2012); IF = 5.9 (2018))	37	45/4	1749-1758	2012
2	Active Learning for Semi-Supervised K-Means Clustering	03	The 22nd IEEE International Conference on Tools with Artificial Intelligence (ICTAI)		24	/	12-15	2010
3	Boosting Clustering by Active Constraint Selection	03	The 19th European Conference on Artificial Intelligence (ECAI-2010)		15	/	297-302	2010
4	An Efficient Active Constraint Selection Algorithm for Clustering	03	The 20th IEEE International Conference on Pattern Recognition (ICPR)		16	/	2969-2972	2010
5	Leader Ant Clustering with Constraints	03	The 7th IEEE International Conference on Computing and Communication Technologies (IEEE-RIVF-2009)		7	/	1-8	2009

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
6	An Efficient Density-based Clustering with Side Information and Active Learning: A Case Study for Facial Expression Recognition Task	04	Intelligent Data Analysis	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.7)		23/1	227-240	2019

7	A Study on EA based IT Governance	08	International Conference on Advanced Communication and Technology			/	686-691	2019
8	Choosing seed for semi-supervised graph based clustering	04	Hội thảo FAIR, Đã được chấp nhận xem xét đăng trên Tạp chí Tin học và Điều khiển			/		2019
9	An efficient Semi-supervised Graph-based clustering	01	Intelligent Data Analysis	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.7)	5	22/2	297-307	2018
10	An Algorithm for Detecting Chordless Cycles in a Temporal Workcase Graph Model	06	International Conference on Internet			/	101-104	2018
11	Study on p-ICN based Smart Gorvernment Process Management Workflow	08	The 13th Asia Pacific International Coference on Information Science and Technology			/	415-420	2018
12	Study of p-ICN defined performance measurement Enterprise Architecture	06	International Conference on Advanced Communication and Technology			/	743-747	2018
13	Lựa chọn các ràng buộc cho phương pháp phân cụm nửa giám sát	03	Kỷ yếu Hội nghị FAIR năm 2018			/	239-244	2018
14	Active seed selection for constrained clustering	02	Intelligent Data Analysis	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.7)	4	21/3	537-552	2017
15	Graph based clustering with background knowledge	02	International Symposium on Information and Communication Technology (SoICT)		01	/	167-172	2017
16	Thuật toán phân cụm K-Means*	03	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên			/	159-164	2017
17	Density-based clustering with side information and active learning	02	International Conference on Knowledge and Systems Engineering		01	/	174-179	2017
18	Lựa chọn tập dữ liệu huấn luyện cho phương pháp Support Vector Machine	01	Hội thảo toàn quốc về Điện tử, truyền thông và công nghệ Thông tin			/	3.28-3.32	2016
19	A New Method For Forecasting Enrolments Combining Time-Variant Fuzzy Logical Relationship Groups And K-Means Clustering	03	International Research Journal of Engineering and Technology			3/3	23-30	2016
20	Tăng chất lượng thuật toán phân cụm nửa giám sát bằng phương pháp học tích cực	01	Hội nghị nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ Thông tin (FAIR)			/	657-662	2015
21	Thuật toán phân cụm nửa giám sát dựa trên mô hình mật độ	01	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên			/	71-75	2015

22	Nghiên cứu cải tiến chất lượng thuật toán phân cụm nửa giám sát K-Means bằng phương pháp học tích cực	02	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên			/	103-107	2015
23	Evidential seed-based semi-supervised clustering	03	Proceeding of the 7th International Conference on Soft Computing and Intelligent Systems and 15th International Symposium on Advanced Intelligent Systems		09	/	706-711	2014
24	Active seeds selection with a k-nearest neighbors graph	04	The first NAFOSTED Conference on Information and Computer Science 2014 (NICS'14)			/	386-395	2014
25	Phân cụm nửa giám sát dựa trên đồ thị	05	Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội			56/	60-69	2013

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:
 Chú thích: (*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KHXXH-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ Không có.

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ Không có.

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):

*Giai đoạn Trước Tiến Sĩ

Không có.

*Giai đoạn Sau Tiến Sĩ

Không có.

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

Không có.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐

- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐

- Công trình khoa học đã công bố: ☐

- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐

- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày..... tháng..... năm 201...

Người đăng ký

(Ghi rõ họ tên, ký tên)

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

– Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai.

– Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

..., ngày.....tháng.....năm 201...

Thủ trưởng cơ quan

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)